

# **Công ty Cổ phần Thế Giới Số**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 32

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên	
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên	
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên	
Ông Hoàng Tùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Thông	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích Hằng	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016



**Building a better  
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61150429/17793228-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 21 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1588-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.171.265.320.514</b>	<b>1.207.162.476.422</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>31.668.848.074</b>	<b>68.267.019.973</b>
111	1. Tiền	4	31.668.848.074	68.267.019.973
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>4.900.000.000</b>	<b>4.900.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	4.900.000.000	4.900.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>348.987.791.367</b>	<b>314.509.823.282</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	317.246.505.287	291.606.496.058
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	18.087.773.476	21.853.671.093
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	22.340.055.496	7.105.758.209
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(8.690.849.291)	(6.060.407.804)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		4.306.399	4.305.726
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>669.576.016.876</b>	<b>731.942.945.461</b>
141	1. Hàng tồn kho		669.576.016.876	731.942.945.461
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>116.132.664.197</b>	<b>87.542.687.706</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	16.334.943.484	1.573.082.052
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		99.797.720.713	85.919.866.413
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	49.739.241
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>84.243.052.475</b>	<b>85.559.069.207</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>2.324.220.000</b>	<b>1.704.580.480</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	2.324.220.000	1.704.580.480
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>81.294.875.482</b>	<b>83.374.408.181</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	24.258.940.592	26.028.463.429
222	Nguyên giá		42.176.019.795	41.003.876.635
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(17.917.079.203)	(14.975.413.206)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	57.035.934.890	57.345.944.752
228	Nguyên giá		58.509.622.898	58.509.622.898
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.473.688.008)	(1.163.678.146)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>623.956.993</b>	<b>480.080.546</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		623.956.993	480.080.546
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.255.508.372.989</b>	<b>1.292.721.545.629</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>646.964.119.066</b>	<b>957.962.429.143</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>619.269.346.188</b>	<b>928.031.999.264</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	153.198.530.675	206.572.357.994
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.2	3.962.290.337	66.230.225.141
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	5.872.403.433	12.176.188.353
314	4. Phải trả người lao động		15.787.426.704	13.350.964.228
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.871.363.656	12.903.691.338
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	15.670.346.860	13.694.065.819
320	7. Vay ngắn hạn	16	422.906.984.523	603.104.506.391
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>27.694.772.878</b>	<b>29.930.429.879</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	4.794.772.878	1.430.429.879
338	2. Vay dài hạn	16	22.900.000.000	28.500.000.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>608.544.253.923</b>	<b>334.759.116.486</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17.1</b>	<b>608.544.253.923</b>	<b>334.759.116.486</b>
411	1. Vốn cổ phần		306.133.290.000	108.024.690.000
411a	- Cổ phiếu có đồng có quyền biểu quyết		306.133.290.000	108.024.690.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		152.617.941.416	35.549.217.650
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.272.937.166)	(82.850.613.400)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		155.665.959.673	273.635.822.236
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		52.095.022.236	145.695.922.918
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		103.570.937.437	127.939.899.318
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.255.508.372.989</b>	<b>1.292.721.545.629</b>

Vũ Thị Mai Hân  
Người lập biểu

Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

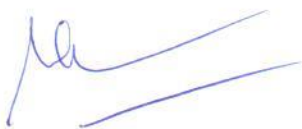
Ngày 21 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	18.1	4.246.389.580.916	4.956.069.869.743
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(43.033.836.352)	(79.505.130.468)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	18.1	4.203.355.744.564	4.876.564.739.275
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	19	(3.938.889.355.570)	(4.589.220.627.225)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		264.466.388.994	287.344.112.050
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	14.114.044.450	10.737.904.224
22	7. Chi phí tài chính	21	(40.204.938.068)	(42.672.207.786)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	21	(23.133.793.052)	(25.117.089.462)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(64.316.707.240)	(67.229.317.088)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(45.438.871.817)	(38.939.839.997)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		128.619.916.319	149.240.651.403
31	11. Thu nhập khác	22	6.038.138.573	19.820.408.517
32	12. Chi phí khác	22	(1.302.852.583)	(1.128.063.456)
40	13. Lợi nhuận khác	22	4.735.285.990	18.692.345.061
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		133.355.202.309	167.932.996.464
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	(29.784.264.872)	(39.993.097.146)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		103.570.937.437	127.939.899.318
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	3.539	5.107
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	3.539	5.107



Vũ Thị Mai Hân  
Người lập biểu



Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>133.355.202.309</b>	<b>167.932.996.464</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10, 11	3.251.675.859	2.954.082.262
03	Dự phòng		2.630.441.487	1.047.358.704
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	18.2	(209.967.963)	(334.685.327)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		-	(4.853.554.971)
06	Chi phí lãi vay	21	23.133.793.052	25.117.089.462
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>162.161.144.744</b>	<b>191.863.286.594</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(51.556.164.151)	(61.710.219.351)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		62.366.928.585	(346.127.399.000)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(127.023.101.157)	91.598.075.765
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(14.905.737.879)	1.141.265.075
14	Lãi vay đã trả		(23.689.981.675)	(23.446.795.544)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	24	(36.205.763.301)	(40.452.411.909)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(28.852.674.834)</b>	<b>(187.134.198.370)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(1.172.143.160)	(6.231.918.707)
23	Tiền chi mua các công cụ vốn của đơn vị khác		-	(10.000.891.870)
24	Tiền thu hồi bán lại các công cụ vốn của đơn vị khác		-	11.721.190.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	5.100.000.000
27	Thu lãi tiền gửi		-	2.160.524.868
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.172.143.160)</b>	<b>2.748.904.291</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		193.646.400.000	519.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		3.142.464.939.859	3.803.641.645.601
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.328.262.461.727)	(3.659.320.403.951)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	17.3	(14.632.200.000)	(43.750.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(6.783.321.868)</b>	<b>101.090.241.650</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Luân chuyển tiền trong năm		(36.808.139.862)	(83.295.052.429)
60	Tiền đầu năm	4	68.267.019.973	151.491.929.805
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		209.967.963	70.142.597
70	Tiền cuối năm	4	31.668.848.074	68.267.019.973



Vũ Thị Mai Hân  
Người lập biểu



Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 344 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 276).

**Cơ cấu tổ chức**

Công ty có 3 công ty con, trong đó:

- *Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture ("DV")*

DV là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313309149 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015. DV có trụ sở chính tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- *Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology ("DT")*

DT là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313318520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2015. DT có trụ sở chính tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- *Công ty TNHH Một thành viên Wiko Việt Nam ("WK")*

WK là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313331063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 7 năm 2015. WK có trụ sở chính tại Lầu 10, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các báo cáo tài chính của các công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

##### 3.1.1 *Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 28.

##### 3.1.2 *Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202") thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

#### 3.2 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	983.783.096	211.058.530
Tiền gửi ngân hàng	30.685.064.978	68.055.961.443
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.668.848.074</b>	<b>68.267.019.973</b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp tiền gửi ngân hàng trị 100.000 Đô la Mỹ để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Khoản này thể hiện giá trị tiền gửi có kỳ hạn 1 năm vào Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam và hưởng lãi suất 6% một năm. Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp khoản tiền này để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	54.205.289.525	36.287.058.437
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu Viễn Thông A	42.380.556.897	8.414.265.477
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	8.814.798.145	43.537.669.941
Khác	211.845.860.720	203.367.502.203
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>317.246.505.287</b>	<b>291.606.496.058</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.690.849.291)	(6.060.407.804)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>308.555.655.996</b>	<b>285.546.088.254</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Invesia International Limited	11.319.444.647	10.071.550.715
Nokia Sales International Oy	-	10.358.222.917
Khác	6.768.328.829	1.423.897.461
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.087.773.476</u></b>	<b><u>21.853.671.093</u></b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn Thông	21.063.313.377	-
Tạm ứng cho nhân viên	411.802.147	6.864.301.398
Khác	864.939.972	241.456.811
	<b><u>22.340.055.496</u></b>	<b><u>7.105.758.209</u></b>
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	2.324.220.000	1.704.580.480
Trong đó:		
Phải thu từ các bên khác	24.664.275.496	8.508.405.356
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	301.933.333

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	614.963.940.334	605.472.785.089
Hàng mua đang đi đường	38.895.751.176	109.930.857.727
Hàng gửi đi bán	15.098.173.821	12.475.474.899
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	618.151.545	4.063.827.746
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>669.576.016.876</u></b>	<b><u>731.942.945.461</u></b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoạt động	14.848.940.279	1.284.603.146
Công cụ, dụng cụ	1.486.003.205	288.478.906
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.334.943.484</u></b>	<b><u>1.573.082.052</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	21.183.180.735	1.092.473.365	15.994.938.106	2.733.284.429	41.003.876.635
Mua mới	-	1.053.443.160	65.000.000	53.700.000	1.172.143.160
Số cuối năm	<u>21.183.180.735</u>	<u>2.145.916.525</u>	<u>16.059.938.106</u>	<u>2.786.984.429</u>	<u>42.176.019.795</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Thế chấp vay (Thuyết minh số 16)</i>	21.183.180.735	-	-	-	21.183.180.735
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	261.401.632	5.534.279.971	2.577.521.753	8.373.203.356
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(4.534.451.228)	(468.626.498)	(7.328.209.038)	(2.644.126.442)	(14.975.413.206)
Khấu hao trong năm	(853.605.092)	(258.971.118)	(1.754.602.620)	(74.487.167)	(2.941.665.997)
Số cuối năm	<u>(5.388.056.320)</u>	<u>(727.597.616)</u>	<u>(9.082.811.658)</u>	<u>(2.718.613.609)</u>	<u>(17.917.079.203)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	<u>16.648.729.507</u>	<u>623.846.867</u>	<u>8.666.729.068</u>	<u>89.157.987</u>	<u>26.028.463.429</u>
Số cuối năm	<u>15.795.124.415</u>	<u>1.418.318.909</u>	<u>6.977.126.448</u>	<u>68.370.820</u>	<u>24.258.940.592</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm và cuối năm	56.550.000.000	1.959.622.898	58.509.622.898
<i>Trong đó:</i>			
Thế chấp vay (Thuyết minh số 16)	56.550.000.000	-	56.550.000.000
Đã hao mòn hết	-	219.127.200	219.127.200
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	-	(1.163.678.146)	(1.163.678.146)
Hao mòn trong năm	-	(310.009.862)	(310.009.862)
Số cuối năm	-	(1.473.688.008)	(1.473.688.008)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	56.550.000.000	795.944.752	57.345.944.752
Số cuối năm	56.550.000.000	485.934.890	57.035.934.890

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lenovo (Singapore) Pte. Ltd.	43.288.643.718	34.635.548.835
Asus Global Pte. Ltd.	30.185.973.198	63.446.177.318
Dell Global B.V (Singapore Branch)	21.831.158.500	55.601.281.400
Khác	57.892.755.259	52.889.350.441
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>153.198.530.675</b>	<b>206.572.357.994</b>

**12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	-	65.687.701.843
Khác	3.962.290.337	542.523.298
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.962.290.337</b>	<b>66.230.225.141</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24)	11.881.823.497	29.784.264.872	(36.205.763.301)	5.460.325.068
Thuế thu nhập cá nhân	294.364.856	4.804.165.505	(4.789.174.288)	309.356.073
Thuế giá trị gia tăng	-	102.722.292	-	102.722.292
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.176.188.353</b>	<b>34.691.152.669</b>	<b>(40.994.937.589)</b>	<b>5.872.403.433</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay	876.964.979	1.433.153.602
Chiết khấu thương mại	714.517.936	5.706.976.228
Chi phí hoạt động	279.880.741	5.154.963.045
Chi phí phải trả khác	-	608.598.463
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.871.363.656</b>	<b>12.903.691.338</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 25)	8.800.000.000	-
Chi trả hộ	5.911.338.983	13.080.711.058
Phải trả Bảo hiểm Xã hội	840.826.059	566.554.761
Khác	118.181.818	46.800.000
	<b>15.670.346.860</b>	<b>13.694.065.819</b>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	4.034.342.999	670.000.000
Khác	760.429.879	760.429.879
	<b>4.794.772.878</b>	<b>1.430.429.879</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**16. VAY**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Ngắn hạn				
Vay ngân hàng	598.304.506.391	3.136.864.939.859	(3.317.862.461.727)	417.306.984.523
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>4.800.000.000</u>	<u>5.600.000.000</u>	<u>(4.800.000.000)</u>	<u>5.600.000.000</u>
	<u>603.104.506.391</u>	<u>3.142.464.939.859</u>	<u>(3.322.662.461.727)</u>	<u>422.906.984.523</u>
Dài hạn				
Vay ngân hàng	<u>28.500.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(5.600.000.000)</u>	<u>22.900.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>631.604.506.391</u></b>	<b><u>3.142.464.939.859</u></b>	<b><u>(3.328.262.461.727)</u></b>	<b><u>445.806.984.523</u></b>

**16.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

	VND			
Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Sài Gòn	140.399.395.873	Từ 19 tháng 2 năm 2016 đến 25 tháng 3 năm 2016	Từ 4,6 đến 5,4	Một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1	131.393.164.612	Từ 18 tháng 1 năm 2016 đến 28 tháng 2 năm 2016	4,8	Một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	88.500.000.000	Từ 26 tháng 1 năm 2016 đến 18 tháng 2 năm 2016	Từ 4,9 đến 5,9	Tài sản cá nhân của một số cổ đông, một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	57.014.424.038	Từ 12 tháng 1 năm 2016 đến 28 tháng 2 năm 2016	Từ 4,2 đến 5,9	Tài sản cá nhân của một số cổ đông, một phần tiền gửi ngân hàng và đầu tư tài chính ngắn hạn
	<b><u>417.306.984.523</u></b>			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**16. VAY** (tiếp theo)

**16.2 Khoản vay ngân hàng dài hạn**

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	VND
	VND			Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1	<u>28.500.000.000</u>	Hoàn trả trong vòng 20 lần thanh toán, hàng quý, cho đến 25 tháng 12 năm 2019	8,0	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại 284A và 282 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trong đó:				
Vay dài hạn	22.900.000.000			
Vay dài hạn đến hạn trả	5.600.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						
Số đầu năm	108.024.690.000	37.179.604.250	(85.000.000.000)	400.000.000	189.445.922.918	250.050.217.168
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	(1.630.386.600)	2.149.386.600	-	-	519.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	127.939.899.318	127.939.899.318
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(43.750.000.000)	(43.750.000.000)
Số cuối năm	<u>108.024.690.000</u>	<u>35.549.217.650</u>	<u>(82.850.613.400)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>273.635.822.236</u>	<u>334.759.116.486</u>

(\*) Trong năm, Công ty tái phát hành 51.900 cổ phiếu quỹ cho Cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường số 10/2014/NQ-ĐHĐCĐ/DGW ngày 15 tháng 10 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**17.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	108.024.690.000	35.549.217.650	(82.850.613.400)	400.000.000	273.635.822.236	334.759.116.486
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	117.068.723.766	76.577.676.234	-	-	193.646.400.000
Phát hành cổ phiếu thường (**)	127.812.000.000	-	-	-	(127.812.000.000)	-
Cổ tức trả bằng cổ phiếu (***)	70.296.600.000	-	-	-	(70.296.600.000)	-
Cổ tức trả bằng tiền	-	-	-	-	(23.432.200.000)	(23.432.200.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	103.570.937.437	103.570.937.437
Số cuối năm	<u>306.133.290.000</u>	<u>152.617.941.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>155.665.959.673</u>	<u>608.544.253.923</u>

(\*) Vào ngày 20 tháng 4 năm 2015, Công ty đã tái phát hành 1.793.000 cổ phiếu quỹ với mức giá là 110.000 VND/ cổ phiếu cho các nhà đầu tư và 56.100 cổ phiếu quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/ cổ phiếu cho Cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông bất thường số 10/2014/NQ-ĐHĐCĐ/DGW ngày 15 tháng 10 năm 2014.

(\*\*) Vào ngày 25 tháng 5 năm 2015, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường số 10/2014/NQ-ĐHĐCĐ/DGW ngày 15 tháng 10 năm 2014 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 18-2014/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2014, Công ty đã phát hành 12.781.200 cổ phiếu thường với giá trị là 127.812.000.000 VNĐ cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:12 (mỗi cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu nhận được 12 cổ phiếu phát hành thêm) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vào ngày 12 tháng 6 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 235.836.690.000 VND.

(\*\*\*) Vào ngày 20 tháng 10 năm 2015, theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2015 số 02/05-2015/HĐCĐ-DGW ngày 22 tháng 5 năm 2015 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/09-2015/HĐQT-DGW ngày 16 tháng 9 năm 2015, Công ty đã phát hành thêm 7.029.660 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:3 (mỗi cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu nhận được 3 cổ phiếu phát hành thêm). Vào ngày 2 tháng 11 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 306.133.290.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**17.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp:**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Created Future	114.400.000.000	37,56	50.000.000.000	56,81
PYN Fund Management Ltd	30.626.310.000	10,05	-	0,00
Bà Đặng Kien Phương	17.327.050.000	5,69	5.896.000.000	6,70
Ông Đoàn Anh Quân	14.071.200.000	4,62	4.920.000.000	5,59
Ông Đoàn Hồng Việt	13.977.730.000	4,59	4.631.000.000	5,26
Bà Tô Hồng Trang	10.586.290.000	3,48	3.659.000.000	4,16
Các cổ đông khác	103.630.020.000	34,01	18.913.000.000	21,48
Cổ phiếu quỹ	1.514.690.000		20.005.690.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>306.133.290.000</b>	<b>100,00</b>	<b>108.024.690.000</b>	<b>100,00</b>

**17.3 Cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã trả trong năm</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	70.296.600.000	-
Cổ tức đã trả bằng tiền	14.632.200.000	43.750.000.000
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	45.692.790.000	-

**17.4 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	30.613.329	10.802.469
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	30.613.329	10.802.469
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.613.329	10.802.469
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(2.000.569)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469)	(2.000.569)
Cổ phiếu đang lưu hành	30.461.860	8.801.900
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.461.860	8.801.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>4.246.389.580.916</b>	<b>4.956.069.869.743</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	4.225.296.647.274	4.930.911.950.135
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	21.092.933.642	25.157.919.608
<b>Trừ:</b>	<b>(43.033.836.352)</b>	<b>(79.505.130.468)</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(36.005.539.829)	(72.543.208.632)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(7.028.296.523)	(6.961.921.836)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>4.203.355.744.564</u></b>	<b><u>4.876.564.739.275</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	4.182.262.810.922	4.851.406.819.667
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	21.092.933.642	25.157.919.608

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.600.967.512	3.030.388.598
Chiết khấu thanh toán	3.880.010.046	2.519.275.328
Lãi tiền gửi ngân hàng	423.098.929	3.133.256.841
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	209.967.963	334.685.327
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	-	1.720.298.130
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.114.044.450</u></b>	<b><u>10.737.904.224</u></b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.922.406.143.877	4.564.808.267.332
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.483.211.693	24.412.359.893
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.938.889.355.570</u></b>	<b><u>4.589.220.627.225</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>64.316.707.240</b>	<b>67.229.317.088</b>
Chi phí nhân công	36.612.092.495	25.762.285.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.468.311.047	14.146.381.170
Khác	13.236.303.698	27.320.650.143
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>45.438.871.817</b>	<b>38.939.839.997</b>
Chi phí nhân công	23.179.698.990	18.111.037.481
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.512.643.184	7.900.086.520
Khác	12.746.529.643	12.928.715.996
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>109.755.579.057</u></b>	<b><u>106.169.157.085</u></b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay phải trả	23.133.793.052	25.117.089.462
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.366.817.004	3.163.475.470
Chiết khấu thanh toán	6.704.328.012	14.373.451.235
Chi phí tài chính khác	-	18.191.619
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>40.204.938.068</u></b>	<b><u>42.672.207.786</u></b>

**22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>6.038.138.573</b>	<b>19.820.408.517</b>
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	3.543.439.135	13.213.406.790
Bảo hiểm bồi thường	-	6.407.118.290
Khác	2.494.699.438	199.883.437
<b>Chi phí khác</b>	<b><u>(1.302.852.583)</u></b>	<b><u>(1.128.063.456)</u></b>
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b><u>4.735.285.990</u></b>	<b><u>18.692.345.061</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa	3.947.691.544.180	4.592.122.284.721
Chi phí nhân công	59.872.524.635	31.910.685.821
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.722.740.756	56.021.182.157
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	3.251.675.859	2.954.082.262
Chi phí khác	15.117.693.665	67.409.697.352
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.049.656.179.095</b>	<b>4.750.417.932.313</b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>133.355.202.309</b>	<b>167.932.996.464</b>
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của năm trước	(3.543.439.135)	-
Chi phí không được trừ	1.781.749.726	13.853.808.747
Lỗi của công ty con	252.315.451	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>131.845.828.351</b>	<b>181.786.805.211</b>
<b>Thuế TNDN ước tính năm hiện hành</b>	<b>29.004.585.535</b>	<b>39.993.097.146</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	779.679.337	-
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính năm hiện hành</b>	<b>29.784.264.872</b>	<b>39.993.097.146</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	11.881.823.497	12.341.138.260
Thuế TNDN đã trả trong năm	(36.205.763.301)	(40.452.411.909)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>5.460.325.068</b>	<b>11.881.823.497</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Created Future	Nhà đầu tư	Mua hàng hóa	182.150.427.205	-
Ông Đoàn Hồng Viên	Tổng Giám đốc Công ty	Tạm ứng	-	69.708.296.908
		Thu nhập lãi	-	1.004.580.429
		Chi phí lãi vay	-	691.200.000
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên Hội đồng Quản trị	Tạm ứng	-	1.643.862.654
		Thu nhập lãi	-	338.101.654
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên Hội đồng Quản trị	Mượn tiền	-	2.273.605.400

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên Hội đồng Quản trị	Tạm ứng	-	301.933.333
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty TNHH Created Future	Nhà đầu tư	Cổ tức phải trả	8.800.000.000	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

			VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng			3.664.331.904	4.214.936.308



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	103.570.937.437	127.939.899.318
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	<u>29.263.216</u>	<u>25.049.987</u>
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	3.539	5.107

(\*) Tổng số cổ phiếu lưu hành bình quân cho năm trước đã được điều chỉnh do việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu trong tháng 5 và tháng 10 năm 2015.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm nay và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**27. CÁC CAM KẾT**

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.157.929.876	4.711.758.598
Từ 1 đến 5 năm	<u>3.744.000.000</u>	<u>2.663.541.918</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.901.929.876</u></b>	<b><u>7.375.300.516</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**28. PHÂN LOẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay. Chi tiết như sau:


	<i>Số đầu năm (đã trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Số đầu năm (được trình bày lại)</i>
			VND
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
Phải thu ngắn hạn khác	594.055.451	6.511.702.758	7.105.758.209
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	4.305.726	4.305.726
Tài sản ngắn hạn khác	6.516.008.484	(6.516.008.484)	-
Phải thu dài hạn khác	-	1.704.580.480	1.704.580.480
Tài sản dài hạn khác	1.704.580.480	(1.704.580.480)	-
			VND
	<i>Năm trước (đã trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Năm nay (được trình bày lại)</i>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tăng các khoản phải thu	(61.136.189.611)	(574.029.740)	(61.710.219.351)
Tăng các khoản phải trả	87.304.003.501	4.294.072.264	91.598.075.765
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	4.294.072.264	(4.294.072.264)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(574.029.740)	574.029.740	-

**29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

  
Vũ Thị Mai Hân  
Người lập biểu

  
Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng

  
  
Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016